PHÒNG GD&ĐT QUẢNG YÊN
TRƯỜNG MN HOÀNG TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 181 /KH-MNHT

Hoàng Tân, ngày 26 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2024 – 2025

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định 24/2021/NĐ-CP, ngày 23 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non;

Căn cứ vào Quyết định số 2324/QĐ-UBND, ngày 09/08/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 của Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ nhiệm vụ năm học và tình hình thực tế công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường.

Trường Mầm non Hoàng Tân xây dựng Kế hoạch phát triển Chương trình Giáo dục nhà trường năm học 2024 – 2025 cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên ngoài.

1.1 Thời cơ.

Hoàng Tân là một xã cách trung tâm thị xã Quảng Yên 15km về phía Đông. Diện tích tự nhiên 4054,10 ha; Có trên 1029 hộ dân với hơn 4.000 nhân khẩu, sinh sống ở 5 thôn.

Thu nhập của phụ huynh tương đối ổn định ở mức trung bình, trung bình khá. Có khả năng tài chính và luôn sẵn sàng tham gia hỗ trợ vào các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ của nhà trường

Nhu cầu của cha mẹ học sinh gửi con tại trường và sự tín nhiệm của cha mẹ học sinh, cộng đồng ngày càng tăng.

Phong trào xây dựng gia đình văn hoá, nông thôn mới đạt kết quả tốt. Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã rất quan tâm đầu tư cho sự nghiệp giáo dục. Các đoàn thể luôn có sự phối hợp chặt chẽ cùng nhà trường trong công tác giáo dục thanh thiếu niên.

1.2. Thách thức

Xã hội ngày càng phát triển và hội nhập vì thế đòi hỏi chất lượng chăm sóc giáo dục trong nhà trường phải luôn được nâng cao. Điều này đòi hỏi, CBQL nhà trường cần đổi mới quan điểm quản lý, chỉ đạo; thường xuyên cập nhật những nội dung, phương pháp mới, tiên tiến để vận dụng vào công tác của trường.

Vẫn còn một số cha mẹ học sinh nhất là đối với trẻ 5-6 tuổi, đều có nguyện vọng cho trẻ học trước chương trình lớp 1, ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển và mặt nhận thức của trẻ theo đúng độ tuổi.

Do tập quán và ngôn ngữ địa phương, đa số phụ huynh và học sinh còn nói ngọng.

2. Bối cảnh bên trong nhà trường.

2.1. Điểm mạnh

- Trường Mầm non Hoàng Tân được thành lập từ tháng 8 năm 1976. Trường nằm tại địa bàn Thôn 2 xã Hoàng Tân, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Nhà trường có truyền thống gần 50 năm xây dựng và phát triển. Đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Có uy tín trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non được xã hội và cộng đồng ghi nhận.

- Toàn trường có 25 CBGVNV (CBQL: 03; GV: 20; NV: 02), trong đó:

+ Lãnh đạo trường có 03 đồng chí đều có trình độ chuyên môn Đại học. Hàng năm các đồng chí CBQL đều tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ quản lý trường học, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, luôn thống nhất trong kế hoạch chỉ đạo công tác chăm sóc giáo dục của nhà trường; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đoàn kết, sáng tạo, hỗ trợ nhau trong công tác để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đội ngũ giáo viên của trường có 20 người, với trình độ chuẩn 02 đồng chí (10%), trình độ trên chuẩn 18 đồng chí (80%). Lực lượng giáo viên trường luôn vững vàng về tư tưởng chính trị, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, đoàn kết, giản dị, yêu nghề mến trẻ, tôn trọng và đối xử công bằng với trẻ. Tập thể giáo viên luôn hòa đồng, thể hiện tinh thần sáng tạo, giúp đỡ nhau tận tình qua học tập các chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn; tích cực tham gia các phong trào thi đua do Đảng, Nhà nước, Ngành giáo dục, nhà trường phát động và đạt nhiều thành tích cao

+ Đội ngũ nhân viên của trường: 11 người (1 viên chức, 10 HĐLĐ). Trong đó: 01 viên chức kế toán có trình độ Đại học, 01 viên chức Y tế có tình độ Trung cấp, 04 nhân viên cấp dưỡng có chứng chỉ sơ cấp nấu ăn. 03 bảo vệ và 02 lao công.

- Cơ cấu, phân bổ đội ngũ giáo viên nhân viên cho các nhóm/lớp và các bộ phận đảm bảo chức năng và vị trí việc làm trong nhà trường.

2.2. Điểm yếu

- Cơ sở vật chất tại khu Trung tâm của nhà trường đã xuống cấp vì xây dựng lâu năm, một số lớp học phải học nhờ các phòng chức năng. Bên cạnh đó hệ thống nhà vệ sinh đôi khi không đảm bảo, không thoát kịp thời, dù đã tu sửa, thông hút thường xuyên.

- Đội ngũ CB-GV-NV ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, dạy học còn chưa đồng đều.

- Tỉ lệ giáo viên giỏi cấp tỉnh còn ít.

II. MỤC TIÊU CỦA GIÁO DỤC MẦM NON

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, ***tự tin, hạnh phúc, sáng tạo, hợp tác làm việc nhóm, có lòng yêu thương,*** những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn; ***Bước đầu làm quen với các phương tiện công nghệ hiện đại theo nhu cầu, khả năng của trẻ;*** đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

III. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu

1. 1. Mục tiêu độ tuổi Nhà trẻ.

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mĩ, ***hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, những năng lực, phẩm chất cần thiết làm nền tảng để trở thành công dân toàn cầu.***

a. Phát triển thể chất

Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.

Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.

Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).

Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.

Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

b. Phát triển nhận thức

Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.

Có sự nhạy cảm của các giác quan.

Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.

Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

c. Phát triển ngôn ngữ

Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.

Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.

Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.

Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.

Hồn nhiên trong giao tiếp.

d. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mĩ

Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.

Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.

Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.

Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình, thích nghe đọc thơ, kể chuyện…

1.2. Mục tiêu độ tuổi Mẫu giáo

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ từ 3 tuổi đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mĩ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học. ***Hình thành và phát triển ở trẻ những năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống. Bước đầu làm quen với các phương tiện công nghệ hiện đại theo nhu cầu, khả năng của trẻ.***

a. Lĩnh vực phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi;

- Có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh khỏe, khéo léo và bền bỉ;

- Thực hiện được vận động cơ bản vững vàng, đúng tư thế;

- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian;

- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay;

- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.

- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

b. Lĩnh vực phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh;

- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định;

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau;

- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói…) với ngôn ngữ nói là chủ yếu;

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

c. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ…).

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày.

- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

d. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân;
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh;
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực;
- Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ;
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

e. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật;
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình;
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn, bảo vệ cái đẹp.

2. Kế hoạch thực hiện

2.1. Phân phối thời gian

Căn cứ theo Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2023, của UBND tỉnh Quảng Ninh Quyết định về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 của Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Chương trình thiết kế cho 35 tuần/năm học, mỗi tuần làm việc 5 ngày, cụ thể:

- Học kỳ I:	Ngày bắt đầu học kỳ: 05/09/2023
	Ngày kết thúc học kỳ: 12/01/2024
- Học kỳ II:	Ngày bắt đầu học kỳ: 15/01/2024
	Ngày kết thúc học kỳ: 24/05/2024

2.2. Chế độ sinh hoạt

2.2.1. Chế độ sinh hoạt trẻ 24 – 36 tháng

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ, thể dục sáng
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi – Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi – Trả trẻ

2.2.2. Chế độ sinh hoạt trẻ Mẫu giáo.

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ trưa
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

3. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo độ tuổi và Kết quả mong đợi.

3.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

3.1.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ trẻ Nhà trẻ 24 – 36 tháng.

a. Tổ chức ăn.

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
24 - 36 tháng	Cơm thường	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal

- Số bữa ăn tại trường: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

b. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

c. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

d. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

3.1.2. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ trẻ Mẫu giáo

a. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: *1230 - 1320 Kcal.*

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

b. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

c. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

d. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

3.2. Nội dung Giáo dục và Kết quả mong đợi

3.2.1 Nội dung Giáo dục và Kết quả mong đợi độ tuổi Nhà trẻ 24 – 36 tháng.

TT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
A. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE		
MT1	Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi * Trẻ 24 tháng tuổi: - Cân nặng bình thường: + Trẻ trai: 9,7-15,3kg. + Trẻ gái: 9,1-14,8kg. - Chiều cao bình thường: + Trẻ trai: 81,7-93,9cm. + Trẻ gái: 80,0-92,9cm. * Trẻ 36 tháng tuổi: - Cân nặng bình thường: + Trẻ trai: 11,3-18,3kg. + Trẻ gái: 10,8-18,1kg. - Cân nặng bình thường: + Trẻ trai: 88,7-103,5cm. + Trẻ gái: 87,4-102,7cm.	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng theo độ tuổi; - Cân, đo 3 tháng/ lần; - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển; - Can thiệp kịp thời đối với trẻ suy dinh dưỡng, nhẹ cân, thấp còi; thừa cân, béo phì
MT2	Trẻ được ăn theo chế độ và khẩu phần ăn khoa học, phù hợp với độ tuổi.	- Ăn 2 bữa chính và một bữa phụ; - Ăn cơm thường, thức ăn băm nhỏ (xay), đa dạng các loại thức ăn; - Chế độ dinh dưỡng hợp lí, đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ: năng lượng 1 ngày tại trường là 600 - 651 Kcal; Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng đảm bảo: + Protit: 13%- 20% + Lipit: 30%- 40% + Gluxit: 47%- 50% - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
MT3	Trẻ được uống nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh.	- Uống nước sạch, đun sôi để nguội (ấm vào mùa đông), đảm bảo vệ sinh. - Uống khoảng 0,8 - 1,6 lit/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

MT4	Trẻ được ngủ một giấc vào buổi trưa và đảm bảo thời gian	- Ngủ một giấc buổi trưa , thời gian khoảng 150 phút.
MT5	Trẻ được đảm bảo vệ sinh khi ở lớp.	- Trẻ có ca cốc riêng, khăn mặt riêng, gối riêng,…đồ dùng cá nhân riêng và có kí hiệu.
MT6	Trẻ được chăm sóc trong môi trường đảm bảo vệ sinh.	- Vệ sinh cá nhân trước và sau khi ăn/ngủ; sau khi chơi đồ chơi/ hoạt động ngoài trời; sau khi đi vệ sinh… - Vệ sinh môi trường: vệ sinh phòng, nhóm lớp, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.
MT7	Trẻ được chăm sóc sức khỏe định kì.	- Cân đo, theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm. - Kiểm tra sức khỏe định kì 2 lần/năm, - Theo dõi trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.
MT8	Trẻ được đảm bảo an toàn trước dịch bệnh.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp: sởi, thủy đậu, sốt xuất huyết, covid 19… - Thực hiện việc rửa tay, sát khuẩn, đeo khẩu trang… - Các biện pháp phòng tránh các dịch bệnh truyền nhiễm. - Tiêm chủng đầy đủ.
MT9	Trẻ được đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Rà soát các nguy cơ mất an toàn. - Các biện pháp phòng tránh một số tai nạn.
	B. NỘI DUNG GIÁO DỤC	
	1. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
MT10	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài thập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Hô hấp: tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi

		từng chân.
MT11	Trẻ giữ được thăng bằng trong thực hiện vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	- Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh; Đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. + Đứng co một chân..
MT12	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động.	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng bằng hai tay. + Tung bóng qua dây. + Tung- bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m. - Ném vào đích xa 1-1,2m.
MT13	Trẻ biết phối hợp chân, tay, cơ thể trong khi bò, trườn để giữ được vật đặt trên lưng.	- Tập bò, trườn: + Bò thẳng hướng theo đường hẹp. + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò, trườn chui qua cổng. + Bò, trườn qua vật cản.
MT14	Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động bật, ném, đá bóng, ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	- Nhún bật: + Nhún, bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ (bật qua các vòng). - Ném, đá bóng: Ném bóng về trước (ném xa bằng 1 tay) + Ném bóng trúng đích (đích xa 70-100cm) + Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m). + Đá bóng.
MT15	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện "múa khéo".	- Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "múa khéo".
MT16	Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong hoạt động: nhào đất, nặn; vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ...	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.

		- Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 -8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
MT17	Trẻ thích nghi được với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt; lau miệng; uống nước sau khi ăn;
MT18	Trẻ ngủ được 1 giấc buổi trưa.	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.
MT19	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Luyện tập thói quen đi vệ sinh đúng nơi qui định
MT20	**Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định**	**- Uống sữa, ăn bánh xong bỏ rác vào thùng** **- Nhặt lá cây rụng bỏ vào thùng rác khi tham gia hoạt động dạo chơi ngoài vườn.** **- Bỏ rác đúng nơi quy định.**
MT21	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt
MT22	Trẻ biết chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo khi trời lạnh.	- Chấp nhận đội mũ khi ra nắng. - Chấp nhận đi giày dép, tất, mặc quần áo khi trời lạnh. **- Cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.**
MT23	Trẻ biết tránh một số vật dụng nguy hiểm, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng)	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm. - Nhận biết những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến

	khi được nhắc nhở.	gần.
MT24	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
	2. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
MT25	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, nếm, ngửi để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) – xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt, mặn, chua)
MT26	Biết chơi bắt chước được một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.	- Chơi thao tác vai thể hiện những hành động của người thân gần gũi như cha mẹ, ông bà, cô giáo bạn về hành động như điệu đi, cử chỉ.
MT27	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn nhóm/lớp.
MT28	Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT29	Trẻ chỉ và nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, con vật, hoa quả quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và nhóm lớp. - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.
MT30	Trẻ chỉ và nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số PTGT gần gũi.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.

MT31	Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	- Một số màu cơ bản: Màu đỏ, vàng, xanh.
MT32	Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to- nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to – nhỏ.
MT33	Trẻ nhận biết được số lượng 1 và nhiều.	- Số lượng một và nhiều.
MT34	Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng hình theo yêu cầu.	- Hình tròn, hình vuông.
MT35	Trẻ nhận biết vị trí trong không gian: Trên - dưới; trước - sau (so với bản thân trẻ)	- Vị trí: Trên - dưới; trước - sau (so với bản thân trẻ)
	3. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
MT36	Trẻ nghe hiểu và thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động.	- Nghe âm thanh. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
MT37	Trẻ trả lời các câu hỏi: Ai đây? "Cái gì đây?...,Làm gì ?...Thế nào?...	- Nghe các câu hỏi: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "Để làm gì?"; "Ở đâu?"; "Như thế nào?" (VD: Con gà gáy như thế nào?...)
MT38	Trẻ có thể hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên hành động của nhân vật.	- Nghe các truyện ngắn đơn giản.
MT39	Trẻ có thể nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát phù hợp với độ tuổi.
MT40	Trẻ phát âm được rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau.
MT41	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có 3 - 4 tiếng.
MT42	Trẻ biết kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có sự gợi ý của cô.

	ý.	
MT43	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
MT44	Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: Con gì đây? Cái gì đây?...	- Sử dụng lời nói để chào hỏi; Trò chuyện; Bày tỏ nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 – 2 câu đơn giản và câu dài.
MT45	Trẻ biết nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
MT46	Trẻ lắng nghe khi người lớn đọc sách.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách.
MT47	Trẻ biết xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	- Xem tranh, gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động trong tranh.
	4. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KNXH VÀ THẨM MĨ	
MT48	Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.
MT49	Thể hiện điều mình thích, không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
MT50	Trẻ biết thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.	- Thực hiện một số yêu cầu đơn giản.
MT51	Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.
MT52	Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận…
MT53	Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	+ Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận…
MT54	Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước	- Quan tâm đến các vật nuôi.

	tiếng kêu, gọi.	
MT55	Trẻ biết "Chào tạm biệt", "cảm ơn", "Vâng ạ".	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao thiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ "dạ"; "Vâng ạ"; chơi cạnh bạn, không cấu bạn.
MT56	Trẻ biết cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tập sử dụng, đồ dùng, đồ chơi.
MT57	Trẻ biết thể hiện một số hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
MT58	Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn, không cấu, đánh, cắn bạn.
MT59	Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Lắng nghe và thực hiện các yêu cầu của người lớn.
MT60	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và VĐ đơn giản theo nhạc.
MT61	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)	- Vẽ nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh: + Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. + Xem tranh.
MT62	**Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn trả lời các câu hỏi.**	**- Tham gia đầy đủ các hoạt động trong lớp: học, chơi, nhảy múa... giơ tay phát biểu khi đàm thoại trong các hoạt động hàng ngày.**

3.2.2. Nội dung Giáo dục và Kết quả mong đợi độ tuổi Mẫu giáo 3 – 4 tuổi.

TT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
A. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE		
MT1	Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng:	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng theo độ tuổi; - Cân, đo 3 tháng/lần; - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ

	+ Trẻ trai: 12,7 – 21,2 kg + Trẻ gái: 12,3 – 21,5 kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 94,9 – 111,7 cm + Trẻ gái: 94,1 – 111,3 cm	trên biểu đồ phát triển; - Can thiệp kịp thời đối với trẻ suy dinh dưỡng, nhẹ cân, thấp còi; thừa cân, béo phì
MT2	Trẻ được ăn theo chế độ và khẩu phần ăn khoa học, phù hợp với độ tuổi.	- Ăn 1bữa chính và một bữa phụ; - Ăn cơm thường, thức ăn băm nhỏ (xay), đa dạng các loại thức ăn; - Chế độ dinh dưỡng hợp lí, đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ: năng lượng 1 ngày tại trường là 615 - 726 Kcal; Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng đảm bảo: + Protit: 13%- 20% +Lipit: 25%- 35% +Gluxit: 52%- 60% - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
MT3	Trẻ được uống nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh.	- Uống nước sạch, đun sôi để nguội (ấm vào mùa đông), đảm bảo vệ sinh. - Uống khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
MT4	Trẻ được ngủ một giấc vào buổi trưa và đảm bảo thời gian	- Ngủ một giấc buổi trưa , thời gian khoảng 150 phút.
MT5	Trẻ được đảm bảo vệ sinh khi ở lớp.	- Trẻ có ca cốc riêng, khăn mặt riêng, gối riêng,…đồ dùng cá nhân riêng và có kí hiệu.
MT6	Trẻ được chăm sóc trong môi trường đảm bảo vệ sinh.	- Vệ sinh cá nhân trước và sau khi ăn/ngủ; sau khi chơi đồ chơi/ hoạt động ngoài trời; sau khi đi vệ sinh…; - Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng, nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải.
MT7	Trẻ được chăm sóc sức khỏe định kì.	- Cân đo, theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm. - Kiểm tra sức khỏe định kì 2 lần/năm, - Theo dõi trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.
MT8	Trẻ được đảm bảo an toàn	- Phòng tránh các bệnh thường gặp: sởi,

	trước dịch bệnh.	thủy đậu, sốt xuất huyết, covid 19… - Thực hiện việc rửa tay, sát khuẩn, đeo khẩu trang… - Các biện pháp phòng tránh các dịch bệnh truyền nhiễm. - Tiêm chủng đầy đủ.
MT9	Trẻ được đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Rà soát các nguy cơ mất an toàn. - Các biện pháp phòng tránh một số tai nạn.
	B. NỘI DUNG GIÁO DỤC	
	1. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
MT10	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn:	- Các động tác phát triển hô hấp: Hít vào, thở ra. - Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai: + Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo hai tay trước ngực. - Các động tác phát triển lung, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Các động tác phát triển cơ chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; + Ngồi xổm, đứng lên. + Bật tại chỗ; + Co duỗi chân.
MT11	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	- Đi kiễng gót liên tục 3m. - Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m) + Đi theo đường dích dắc. + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.
MT12	Trẻ kiểm soát được vận động khi đi, chạy.	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.

MT13	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tung, ném, chuyền, bắt:	- Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. - Ném xa bằng một tay. - Ném trúng đích bằng một tay. - Chuyền, bắt bóng hai bên theo hàng ngang, hàng dọc.
MT14	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	- BTTH: + Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng. + Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,5m). + Bò trong đường hẹp (3m x 0,4 m)
MT15	Trẻ biết phối hợp tay, chân nhịp nhàng khi thực hiện vận động: Bò, trườn, trèo, bước, bật- nhảy.	- Bò, trườn theo hướng thẳng. - Bò chui qua cổng. - Trườn về phía trước. - Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm). - Bật tại chỗ. - Bật về phía trước. - Bật xa 20-25cm.
MT16	Trẻ thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay; - Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.
MT17	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8-10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	- Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô, vẽ nguệch ngoạc - Cài, cởi cúc.
MT18	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau).	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc: Thịt, cá, trứng, sữa, rau...
MT19	Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau…	- Nhận biết tên một số món ăn hàng ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
MT20	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều	- Ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.

	loại thức ăn khác nhau.	- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…). - Ăn đa dạng các loại thức ăn.
MT21	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: + Rửa tay, lau mặt, súc miệng. + Tháo tất, cởi quần, áo,	- Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo... - Làm quen với cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
MT22	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Sử dụng bát thìa ăn cơm, ca, cốc uống nước…
MT23	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.	**- Hành vi tốt trong ăn uống:** **+ Ăn thức ăn đã nấu chín.** **+ Uống nước đã đun sôi.** **+ Ăn chậm, nhai kỹ.** **+ Không làm rơi vãi thức ăn xuống sàn nhà.** **- Không dùng chung bát, thìa, cốc, ống hút với bạn và người khác.**
MT24	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở. - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Tập luyện một số thói quen, hành vi tốt về giữ gìn sức khỏe: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khoẻ con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.
MT25	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và tránh những hành vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: (Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng …).
MT26	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.	-Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn như: Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi....
MT27	Trẻ biết tránh một số hành	- Nhận biết và phòng tránh những hành

	động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	động nguy hiểm: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
MT28	**Trẻ nhận biết và thực hiện các quy định đơn giản khi tham gia giao thông để đảm bảo an toàn cho bản thân.**	**- Nắm tay người lớn khi đi qua đường:** **- Ngồi trên xe đạp, xe máy an toàn:** **Ngồi cho hai chân về hai bên hai, tay ôm người lái xe và đội mũ bảo hiểm đúng quy cách khi ngồi trên xe đạp, xe đạp điện hoặc xe máy; Không được ngồi trên đầu xe hoặc giỏ xe; Không được đứng trên xe. Không ngồi ngược chiều của xe…** **- Những hậu quả nguy hiểm khi không thực hiện quy định về ATGT.**
2. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
MT29	Trẻ biết tên gọi, chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.
MT30	Trẻ quan tâm hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Quan sát các hiện tượng: + Nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. + Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. + Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. + Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. + Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. **- Đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng.**

		- Quan sát, tìm hiểu các sự vật (đồ vật, con vật, cây cối);
MT31	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật quen thuộc. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây, hoa, quả quen thuộc. - Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số PTGT quen thuộc như: ô tô, xe máy, xe đạp, tàu hỏa, máy bay… **- Khám phá sự vật, hiện tượng, vấn đề đơn giản theo quy trình 5E**
MT32	**Trẻ thích khám phá những sự vật, hiện tượng, những vấn đề đơn giản thông qua thực hành, trải nghiệm**	**- Tìm hiểu, khám phá các đối tượng tượng thông qua các dự án STEAM đơn giản, qua thực hành, trải nghiệm.**
MT33	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng.	**- Làm thử nghiệm đơn giản về: Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi, nước.** **- Làm thử nghiệm với các đồ vật (Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm, nổi).** **- Làm thử nghiệm đơn giản về cây cối, hoa quả (cây với ánh sáng, nảy mầm của hạt...., thay đổi màu sắc của hoa...)**
MT34	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	**- Xem sách, tranh ảnh, trò chuyện để thu thập thông tin về đối tượng.**
MT35	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	**- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 dấu hiệu.** **- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 dấu hiệu.** **- Phân loại phương tiện giao thông theo 1 dấu hiệu (nơi hoạt động).**

MT36	Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.
MT37	Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Đặc điểm nổi bật của đối tượng được quan sát như: đồ dùng, đồ chơi, con vật, cây cối, hoa, rau, củ, quả, phương tiện giao thông.... - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
MT38	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	**- Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sỹ khám bệnh...)** **- Hát các bài hát về cây, con vật** **- Vẽ, xé dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông** **- Áp dụng chu trình thiết kế kỹ thuật theo phương pháp tổ chức hoạt động trong giáo dục STEAM.**
MT39	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.
MT40	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.
MT41	Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Địa chỉ gia đình: Số nhà, thôn/xóm, phường.
MT42	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi và trò chuyện.	- Tên trường/lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
MT43	Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng… khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.

MT44	Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu… qua trò chuyện, xem tranh.	- Ngày Khai giảng năm học mới. - Tết Trung thu; Tết Thiếu nhi. - Cờ Tổ quốc
MT45	Trẻ kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở **xã Hoàng Tân.**	**- Tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh của xã Hoàng Tân: Đầm Tây Long, chùa Hoàng Tân.**
MT46	MT46: Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về sô lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	**- Đếm vẹt,** **- Đếm theo nhóm đồ vật.**
MT47	Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- 1 và nhiều. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.
MT48	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	**- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau.** **- Sử dụng các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.**
MT49	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. **- Nhận biết kết quả của các nhóm đồ vật sau khi gộp trong phạm vi 5.**
MT50	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
MT51	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ (theo mẫu) và sao chép lại.
MT52	Trẻ biết xếp tương ứng 1-1	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.
MT53	Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Sử dụng các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.
MT54	Trẻ biết nhận dạng và gọi được tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để chắp ghép.

MT55	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân trẻ.	- Nhận biết phía trên- phía dưới; phía trước-phía sau; tay phải, tay trái của bản thân.
MT56	**Trẻ biết làm quen với các biểu tượng Toán sơ đẳng thông qua các hoạt động trải nghiệm**	**- Làm quen với các khái niệm sơ đẳng về Toán thông qua các hoạt động trải nghiệm theo mô hình học tập của DavidA.Kolb**
3. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
MT57	Trẻ nghe hiểu lời nói	- Hiểu các từ chỉ tên người, tên đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc. - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản: - Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù
MT58	Trẻ biết sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng. - Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?" - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm… - Kể lại sự việc.
MT59	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao…	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT60	Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.

MT61	Trẻ bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.
MT62	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh.
MT63	Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.
MT64	Trẻ thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Vẽ, "viết" nguệch ngoạc.
MT65	Trẻ làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống.	- Một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ, …
MT66	Trẻ biết giữ gìn sách.	- Giữ gìn sách.
4. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI		
MT67	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.
MT68	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.
MT69	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	**- Tham gia vào các hoạt động.** **- Mạnh dạn trả lời câu hỏi.**
MT70	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi…).	**- Thực hiện các công việc được giao.**
MT71	Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc(vui, buồn, sợ, hãi, tức, giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
MT72	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.

MT73	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.
MT74	Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	**- Kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.**
MT75	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).
MT76	Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn).
MT77	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	**- Lắng nghe khi khi cô, bạn nói.**
MT78	Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn.
MT79	**Trẻ biết thể hiện tình cảm yêu mến người thân trong gia đình.**	- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.
MT80	**Trẻ nhận biết được các hành vi "đúng' "sai"; "tốt" "xấu".**	- Nhận biết hành vi "đúng", "sai"; "tốt" "xấu" trong giao tiếp, sinh hoạt hàng ngày. **- Hành vi đúng- sai khi tham gia giao thông.**
MT81	**Trẻ biết chờ đến lượt.**	- Chờ đến lượt.
MT82	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
MT83	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Bỏ rác vào đúng nơi qui định. - Giữ gìn vệ sinh môi trường.
MT84	**Trẻ biết tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt.**	- Tiết kiệm điện, nước. **+ Vặn vòi vừa phải không để bắn ra ngoài.** **+ Tắt vòi nước khi dùng xong.**
5. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		
MT85	Trẻ vui sướng,vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.

	vật hiện tượng	
MT86	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Bộc lộ cảm xúc vui sướng khi nghe các bài hát, bản nhạc gần gũi.
MT87	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc vui sướng khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các tác phẩm tạo hình.
MT88	Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. **- Thể hiện sắc thái của bài hát qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ.**
MT89	Trẻ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
MT90	Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.
MT91	Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành sản phẩm đơn giản.
MT92	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng cắt xé, dán tạo thành sản phẩm đơn giản
MT93	Trẻ có thể lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một hoặc hai khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn tạo thành sản phẩm tạo hình đơn giản.
MT94	Trẻ có thể xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách để tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Xếp tạo thành các sản phẩm đơn giản.
MT95	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.

MT96	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
MT97	Trẻ có thể tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.
MT98	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.
MT99	**Trẻ bước đầu biết vẽ theo nhạc**	**- Nghe bản nhạc theo chủ đề, theo ý thích.** **- Thưởng thức âm nhạc.** **- Vẽ theo nhạc đơn giản.**

3.2.3. Nội dung Giáo dục và Kết quả mong đợi độ tuổi Mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

TT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
A. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ		
MT1	Trẻ đạt được cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: * Cân nặng: + Trẻ trai: 14,1 – 24,2 kg + Trẻ gái: 13,7 – 24,9 kg * Chiều cao: + Trẻ trai: 100,7 – 119,2 cm + Trẻ gái: 99,9 – 118,9 cm	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng theo độ tuổi; - Cân, đo 3 tháng/ lần; - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển; - Can thiệp kịp thời đối với trẻ suy dinh dưỡng, nhẹ cân, thấp còi; thừa cân, béo phì
MT2	Trẻ được ăn theo chế độ và khẩu phần ăn khoa học, phù hợp với độ tuổi.	- Ăn 1 bữa chính và một bữa phụ; - Ăn cơm thường, thức ăn băm nhỏ (xay), đa dạng các loại thức ăn; - Chế độ dinh dưỡng hợp lí, đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ: năng lượng 1 ngày tại trường là 615 - 726 Kcal; Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng đảm bảo: + Protit: 13%- 20% +Lipit: 25%- 35% +Gluxit: 52%- 60% - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

		- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
MT3	Trẻ được uống nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh.	- Uống nước sạch, đun sôi để nguội (ấm vào mùa đông), đảm bảo vệ sinh. - Uống khoảng 1,6 -2,0lit/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
MT4	Trẻ được ngủ một giấc vào buổi trưa và đảm bảo thời gian	- Ngủ một giấc buổi trưa , thời gian khoảng 150 phút.
MT5	Trẻ được đảm bảo vệ sinh khi ở lớp.	- Trẻ có ca cốc riêng, khăn mặt riêng, gối riêng,…đồ dùng cá nhân riêng và có kí hiệu.
MT6	Trẻ được chăm sóc trong môi trường đảm bảo vệ sinh.	- Vệ sinh cá nhân trước và sau khi ăn/ngủ; sau khi chơi đồ chơi/ hoạt động ngoài trời; sau khi đi vệ sinh…; - Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng, nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải.
MT7	Trẻ được chăm sóc sức khỏe định kì.	- Cân đo, theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm. - Kiểm tra sức khỏe định kì 2 lần/năm, - Theo dõi trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.
MT8	Trẻ được đảm bảo an toàn trước dịch bệnh.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp: sởi, thủy đậu, sốt xuất huyết, covid 19… - Thực hiện việc rửa tay, sát khuẩn, đeo khẩu trang… - Các biện pháp phòng tránh các dịch bệnh truyền nhiễm. - Tiêm chủng đầy đủ.
MT9	Trẻ được đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Rà soát các nguy cơ mất an toàn. - Các biện pháp phòng tránh một số tai nạn.
	B. NỘI DUNG GIÁO DỤC	
	1. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	

MT10	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.	- Các động tác phát triển cơ tay và bả vai: + Đưa tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (Kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Các động tác phát triển cơ lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Các động tác phát triển cơ chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
MT11	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	- Đi trên ghế thể dục. - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. - Đi bước dồn trước, dồn ngang trên ghế thể dục. - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.
MT12	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	- Đi bằng gót chân, đi khuỵu gối, đi lùi. - Đi bước lùi 3m.
MT13	Trẻ kiểm soát được vận động đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt dích dắc)	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng theo vật chuẩn. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn hoặc hiệu lệnh. - Chạy theo đường dích dắc.
MT14	Trẻ phối hợp tay, mắt trong vận động ném, chuyền, tung, đập bắt bóng.	- Tung bóng lên cao và bắt. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Chuyền bắt bóng qua đầu, qua chân. - Ném xa bằng một tay, hai tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Đập và bắt bóng tại chỗ.
MT15	Trẻ chạy được 15m liên tục	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây.

	theo hướng thẳng trong khoảng 10 giây.	- Chạy chậm 60 – 80m.
MT16	Trẻ biết phối hợp chân tay nhịp nhàng khi thực hiện vận động bò, trườn, trèo, bật, nhảy	- Bò bằng bàn tay, bàn chân 3- 4m. - Bò chui qua cổng, ống dài 1.2m x 0,6m. - Bò trong đường dích dắc (3- 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài (1,5m x 30 cm) - Trèo lên, xuống 5 gióng thang. - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35-40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30-5cm) - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10-15cm. - Nhảy lò cò 3m.
MT17	Trẻ thể hiện được sự nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp	Bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục 15m theo hướng thẳng trong khoảng 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2m). - Bò trong đường dích dắc (3- 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.
MT18	Trẻ thực hiện được các vận động: - Cuộn xoay tròn cổ tay. - Gập mở các ngón tay.	- Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập mở các ngón tay. - Đan các ngón tay vào nhau.
MT19	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp, với 10 – 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây	- Tô, vẽ hình. - Lắp ghép hình - Gập giấy. - Cài, cởi cúc, xâu, buộc dây. - Xé, cắt đường thẳng. - Lắp, ghép hình. - Tết sợi. - Vo, xoáy, xoán, vặn, búng ngón tay, vê, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắn, nối.

	giày.	
MT20	Trẻ nhận biết được một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá… có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). **- Kể tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh: Thịt, cá, trứng, sữa, rau ...**
MT21	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, rán, kho, gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. **- Kể tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau ...**
MT22	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì....) **- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.**
MT23	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn	- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tập đánh răng, lau mặt. - Thay quần áo khi bị ướt, bẩn.
MT24	Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự xúc cơm ăn gọn gàng. - Không làm rơi vãi, đổ thức ăn.
MT25	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ; không nói chuyện khi ăn. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau; - Không uống nước lã.	**- Tập luyện một số thói quen, hành vi tốt trong ăn uống.** **- Không dùng chung bát, thìa, ca cốc với bạn và người khác.**
MT26	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.

	khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học; - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt; - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Lựa chọn trang phục phù hợp thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.
MT27	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm.
MT28	Trẻ nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở. + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt. + Không ăn thức ăn có mùi ôi thiu, mùi lạ, không ăn lá, quả lạ...không uống rượu bia, cà phê...; + Không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn; + Không đi ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm.
MT29	Trẻ nhận ra những nơi như: ao, hồ, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn. **- Chơi ở nơi an toàn: Tránh nơi có nhiều người và xe cộ đi lại, chợ, trạm điện, nơi độc hại, nơi có vật liệu nổ; nơi dễ cháy nổ…**
MT30	**Trẻ biết một số quy định, đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông và hậu quả khi không chấp hành.**	**- Một số quy định giao thông.** **- Đi bộ an toàn** **- An toàn khi đi trên các phương tiện giao thông** **- Những hậu quả khi không tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông**
MT31	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.

	đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người lớn khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	
MT32	**Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.**	**- Người lạ cho quà thì phải hỏi người thân.** **- Người lạ rủ đi không đi theo.**
2. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
MT33	Trẻ nhận biết được chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.
MT34	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô.	**- Khám phá sự vật, hiện tượng xảy ra xung quanh trẻ.** **- Quan sát sự thay đổi của thời tiết.** **- Trao đổi, thảo luận cùng cô và các bạn về sự thay đổi của các sự vật, hiện tượng.**
MT35	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm…để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm, công dụng của một số PTGT. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. **- Tìm hiểu, khám phá các đối tượng theo quy trình 5E.**
MT36	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	**- Làm thử nghiệm về một vài đặc điểm, tính chất của nước, các vật chìm nổi trong nước.** **- Thử nghiệm về sự phát triển của cây đối với môi trường sống.**
MT37	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, xem	**- Cách thu thập thông tin về đối tượng:**

	tranh, nhận xét và trò chuyện.	**+ Sưu tầm, xem sách, làm sách tranh** **+ Trò chuyện với người lớn, bạn bè…**
MT38	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	- Phận loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại các con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại PTGT theo 1-2 dấu hiệu.
MT39	Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của các đối tượng, sự vật, hiện tượng gần gũi	- Một số mối quan hệ đơng giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
MT40	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	**- Giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.** **- Đưa ra các ý tưởng để giải quyết các vấn đề đơn giản một cách hiệu quả, phù hợp.**
MT41	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm sự giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. **- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 PTGT.**
MT42	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	**- Thể hiện một số hiểu biết về các vai chơi trong trò chơi: Đóng vai theo chủ đề, xây dựng, học tập…** **- Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động âm nhạc: hát các bài hát về cây, con vật....** **- Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động tạo hình: vẽ, xé dán, nặn, ghép hình…về cây cối, con vật....** **- Áp dụng chu trình thiết kế kỹ thuật theo phương pháp tổ chức hoạt động trong giáo dục STEAM.**

MT43	**Trẻ có một số kiến thức, kỹ năng đơn giản trong chăm sóc, bảo vệ con vật, cây.**	- Cách chăm sóc, bảo vệ con vật, cây: + Cho con vật ăn, uống, không đánh con vật. + Tưới nước, lau lá, nhổ cỏ cho cây.
MT44	Trẻ nhận biết được một số HTTN	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Lợi ích của nước đối với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
MT45	**Trẻ thích khám phá những sự vật, hiện tượng, những vấn đề đơn giản thông qua thực hành, trải nghiệm**	**- Tìm hiểu, khám phá các đối tượng tượng thông qua các dự án STEAM, qua thực hành, trải nghiệm.**
MT46	Trẻ nói được họ tên, tuổi giới tính của bản thân khi được hỏi, trò truyện.	- Họ, tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
MT47	Trẻ nói được họ, tên, công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi truyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình.
MT48	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình (Số nhà, tên phố/làng xóm) khi được hỏi, trò chuyện	- Địa chỉ gia đình.
MT49	Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường mầm non Hoàng Tân, tên lớp. **- Các hoạt động của trường, lớp.** **- Các hoạt động của trẻ ở trường.**

MT50	Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các cô bác nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác nhân viên trong trường.
MT51	Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò truyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn. **- Sở thích của các bạn trong lớp.**
MT52	Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
MT53	Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Đặc điểm nổi bật một số lễ hội, như: Tết Nguyên đán, Tết Trung thu, Khai giảng, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, sinh nhật Bác, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3....
MT54	Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương	**- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của xã Hoàng Tân: Chùa Hoàng Tân, đầm Tây Long.** **- Tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của thị xã Quảng Yên: Miếu Vua Bà, bảo tàng Quảng Yên.**
MT55	**Trẻ kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.**	**- Kể về một số địa điểm công cộng nơi trẻ sống: Trường học, Sân vận động, nhà văn hóa, chợ...**
MT56	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi; "bao nhiêu?"; "Là số mấy?"...	**- Đếm các đồ vật xung quanh lớp và hỏi cô giáo về số lượng, số.** **- Phát hiện chữ số ở môi trường xung quanh trẻ.** **- Tham gia các hoạt động đếm số lượng, chữ số ở lớp.**
MT57	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
MT58	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	**- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau** **- Sử dụng các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.**

MT59	Trẻ có thể gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.
MT60	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn và đếm.
MT61	Trẻ biết sử dụng các số từ 1 đến 5 để chỉ số lượng, số thứ tự	- Chữ số, số lượng, số thứ tự trong phạm vị 5.
MT62	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số trong cuộc sống hàng ngày	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..).
MT63	**Trẻ biết xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.**	- Xếp tương ứng 1-1 - Ghép đôi từng cặp có mối liên quan.
MT64	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
MT65	Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo
MT66	Trẻ chỉ ra được các đặc điểm giống và khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...).	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, tròn, hình chữ nhật.
MT67	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác để tạo ra hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
MT68	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).
MT69	Trẻ có thể mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.
MT70	**Trẻ nhận biết được các biểu tượng Toán sơ đẳng phù hợp độ tuổi thông qua các hoạt động trải nghiệm**	**- Làm quen với các khái niệm sơ đẳng về Toán thông qua các hoạt động trải nghiệm theo mô hình học tập của DavidA.Kolb**

3. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
MT71	Trẻ nghe, hiểu lời nói trong cuộc sống hằng ngày	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Nghe, hiểu và thực hiện được 2, 3 yêu cầu. - Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. - Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng, câu phức, nghĩa các từ khái quát. - Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp lứa tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
MT72	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Nói rõ ràng để người nghe có thể hiểu được. - Nói và thể hiện cử chỉ, nét mặt, điệu bộ phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.
MT73	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm. - Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Để làm gì?... - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh
MT 74	Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.
MT75	Trẻ kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc theo trình tự. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
MT76	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè.
MT77	Trẻ kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe có mở đầu kết thúc.
MT78	Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch.
MT79	Trẻ sử dụng được các từ như: "mời cô", "mời bạn", "cảm	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép: mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi …"

	ơn", "xin lỗi" …trong giao tiếp.	trong giao tiếp
MT80	Trẻ điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT81	Trẻ biết bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
MT82	Trẻ biết chọn sách để xem.	- Chọn sách để xem. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
MT83	Trẻ mô tả được hành động của các nhân vật trong tranh.	- Xem tranh, mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.
MT84	Trẻ cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh "đọc" sách theo tranh minh họa ("đọc vẹt")	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ.
MT85	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm…	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm.....
MT86	Trẻ sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng…	- Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Nhận dạng một số chữ cái. - Sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiếp chúc mừng.
MT87	Trẻ làm quen với cách đọc và viết của tiếng Việt.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
MT88	Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	- Giữ gìn, bảo vệ sách: Để sách đúng nơi qui định; không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm,... lên sách.
4. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI		
MT89	Trẻ nói được tên, tuổi, giới	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.

	tính của bản thân, tên bố, mẹ.	**- Tên bố, mẹ.**
MT90	Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân.
MT91	Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Đồ chơi và trò chơi bé yêu thích. - Giữ gìn, bảo quản đồ chơi.
MT92	Trẻ cố gắng hoàn thành các công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- Vị trí và trách nhiệm của trẻ trong gia đình và lớp học. - Thực hiện các công việc được giao: (trực nhật, dọn đồ chơi).
MT93	Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc " vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ" qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh....
MT94	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.
MT92	**Trẻ biết thể hiện tình cảm với những người thân yêu qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về người thân.**	**- Biểu lộ tình cảm với người thân qua hát, đọc thơ, kể chuyện.**
MT93	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Một số địa điểm gắn liền với hoạt động của Bác.
MT94	Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
MT95	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình: sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường)
MT96	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi, lễ phép	- Sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.
MT97	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói.
MT97	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác.

MT98	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật…)	- Lắng nghe ý kiến của người khác. - Trao đổi, thỏa thuận, phối hợp với các bạn cùng hoạt động tập thể (chơi, trực nhật…)
MT99	Trẻ biết yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
MT100	Trẻ biết quan tâm giúp đỡ bạn.	- Quan tâm, giúp đỡ bạn.
MT101	Trẻ phân biệt được hành vi đúng - sai, tốt- xấu	- Phân biệt hành vi đúng - sai, tốt- xấu.
MT102	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối
MT103	Trẻ không bẻ cành, ngắt hoa.	- Không bẻ cành, bứt hoa.
MT104	Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước.
5. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
MT105	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT106	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau. - Thể hiện sự chú ý nghe, thích thú qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) hát theo bài hát, bản nhạc. - Chú ý, thích thú nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ ; thích nghe và kể câu chuyện.
MT107	Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình	- Thích thú ngắm nhìn, chỉ sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.

MT108	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca, và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát .
MT109	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu phù hợp với các các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu .
MT110	**Trẻ biết hát kết hợp với các hình thức hát sáng tạo. Phối hợp dụng cụ âm nhạc phù hợp trong khi hát.**	**- Hát kết hợp hình thức nối tiếp, hát lĩnh xướng, hát đối đáp, hát kết hợp với đọc ráp…**
MT111	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.
MT112	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.
MT113	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng xé, cắt để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.
MT114	Trẻ biết làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.
MT115	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.
MT116	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dán	- Nhận xét sản phẩm của mình, của bạn về màu sắc, hình dáng/đường nét.
MT117	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.

MT118	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.
MT119	Trẻ biết tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
MT120	Trẻ có thể nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
MT121	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình
MT122	**Trẻ bước đầu có khả năng sáng tạo và cảm thụ nghệ thuật thông qua hoạt động tạo hình**	**- Vẽ theo nhạc.** **- Vẽ, nặn, cắt, xé dán theo chuyên đề.** **- Quan sát, khám phá các tác phẩm bằng các giác quan.** **- Sáng tạo từ các vật liệu địa phương (vỏ ốc, sò, ngao…)**

3.2.4. Nội dung Giáo dục và Kết quả mong đợi độ tuổi Mẫu giáo 5 – 6 tuổi.

TT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
A. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ		
MT1	Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi: - Cân nặng: + Bé trai: 15,9 – 27,1kg + Bé gái: 15,3 – 27,8kg - Chiều cao: + Bé trai: 106,1- 125,8cm + Bé gái: 104,9 – 125,4cm	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng theo độ tuổi; - Cân, đo 3 tháng/ lần; - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển; - Can thiệp kịp thời đối với trẻ suy dinh dưỡng, nhẹ cân, thấp còi; thừa cân, béo phì
MT2	Trẻ được ăn theo chế độ và khẩu phần ăn khoa học, phù hợp với độ tuổi.	- Ăn 1 bữa chính và một bữa phụ; - Ăn cơm thường, thức ăn băm nhỏ (xay), đa dạng các loại thức ăn; - Chế độ dinh dưỡng hợp lí, đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ: năng lượng 1 ngày tại trường là 615 - 726 Kcal; Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng đảm bảo:

		+ Protit: 13%- 20% + Lipit: 25%- 35% + Gluxit: 52%- 60% - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
MT3	Trẻ được uống nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh.	- Uống nước sạch, đun sôi để nguội (ấm vào mùa đông), đảm bảo vệ sinh. - Uống khoảng 1,6 -2,0lit/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
MT4	Trẻ được ngủ một giấc vào buổi trưa và đảm bảo thời gian	- Ngủ một giấc buổi trưa, thời gian khoảng 150 phút.
MT5	Trẻ được đảm bảo vệ sinh khi ở lớp.	- Trẻ có ca cốc riêng, khăn mặt riêng, gối riêng,…đồ dùng cá nhân riêng và có kí hiệu.
MT6	Trẻ được chăm sóc trong môi trường đảm bảo vệ sinh.	- Vệ sinh cá nhân trước và sau khi ăn/ngủ; sau khi chơi đồ chơi/ hoạt động ngoài trời; sau khi đi vệ sinh…; - Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng, nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải.
MT7	Trẻ được chăm sóc sức khỏe định kì.	- Cân đo, theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm. - Kiểm tra sức khỏe định kì 2 lần/năm, - Theo dõi trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.
MT8	Trẻ được đảm bảo an toàn trước dịch bệnh.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp: sởi, thủy đậu, sốt xuất huyết, covid 19… - Thực hiện việc rửa tay, sát khuẩn, đeo khẩu trang… - Các biện pháp phòng tránh các dịch bệnh truyền nhiễm. - Tiêm chủng đầy đủ.
MT9	Trẻ được đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Rà soát các nguy cơ mất an toàn. - Các biện pháp phòng tránh một số tai nạn.
	B. NỘI DUNG GIÁO DỤC	

	1. PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG	
MT10	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang, nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, 1 chân về sau.
MT11	Trẻ biết bật xa tối thiểu 50cm (CS1)	- Bật xa 40 - 50cm. - Bật (nhẩy) qua vật cản 15-20cm - Bật tách, khép chân qua 7 ô. - Bật liên tục vào vòng
MT12	Trẻ có thể nhảy xuống từ độ cao 40cm (CS2)	- Bật - nhảy từ trên cao 40-50cm xuống (bật sâu)
MT13	Trẻ biết ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa tối thiểu 4m. (CS3)	- Ném và bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 4m).
MT14	Trẻ biết trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. (CS4)	- Trèo lên, xuống 7 gióng thang. - Trèo lên xuống liên tục, phối hợp chân nọ, tay kia (2 chân không bước vào một thang)
MT15	Trẻ biết nhảy lò cò ít nhất 5	- Nhảy lò cò tại chỗ theo hiệu lênh.

	bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. (CS9)	- Nhảy lò cò theo yêu cầu của cô ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. - Nhảy lò cò 5m.
MT16	Trẻ biết đập và bắt bóng bằng 2 tay (CS10)	- Đập bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng.
MT17	Trẻ có thể đi thăng bằng được trên ghế thể dục. (2m x 0,25m x 0,35m) (CS11)	- Đi trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m). - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuỵu gối. - Đi bước dồn trên ghế. - Đi nối bàn chân tiến lùi. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn) đi trên ván kê dốc
MT18	Trẻ biết chạy 150m không hạn chế thời gian (CS13)	- Chạy chậm 150m.
MT19	Trẻ biết phối hợp tay – mắt trong các vận động: Ném, chuyền, tung bắt bóng.	- Ném xa bằng một tay, hai tay. - Ném trúng đích bằng một tay, hai tay - Chuyền bóng qua đầu, chuyền bóng qua chân - Tung bóng lên cao và bắt bóng
MT20	Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện các bài tập: Chạy, bò, trườn.	- Chạy được 18m liên tục trong khoảng 10 giây - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5 m - Bò dích dắc qua 7 điểm. - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6 m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5 m x 30 cm.
MT21	Trẻ biết kiểm soát được vận động đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	- Đi/chạy thay đổi tốc độ, hướng dích dắc theo hiệu lệnh.
MT22	Trẻ thể hiện được sự nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp	BTTH: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng 10 giây (CS12) - Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1.5m). - Bò dích dắc qua 7 điểm.
MT23	Trẻ có thể tham gia các hoạt	- Không có biểu hiện mệt mỏi như

	động học tập không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30 phút (CS14).	ngáp, ngủ gật …trong khoảng 30 phút. - Thường xuyên giữ được tập trung chú ý và tham gia các hoạt động tích cực.
MT24	Trẻ biết tự mặc và cởi được quần áo (CS5)	- Cài và mở được hết các cúc áo. - Buộc dây, cởi cúc, xâu luồn, kéo khóa. **- Mặc các loại áo chui đầu, buộc dây, kéo khóa, đóng cúc sao cho 2 vạt áo bằng nhau.**
MT25	Trẻ biết tô màu kín, không chờm ra ngoài đường viền các hình (CS6)	- Tô đồ theo nét vẽ, hình vẽ không chờm ra ngoài hình vẽ. Cầm bút đúng: Bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa. - Bẻ, nắn, lắp ráp, xếp hình...
MT26	Trẻ biết dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn. (CS8)	- Bôi hồ mịn, dán hình không bị nhàu, bị nhăn. - Dán các chi tiết không chồng lên nhau. - Dán hình vào bức tranh phẳng phiu.
MT27	Trẻ có thể cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản. (CS7)	- Đường cắt thường xuyên lượn theo nét vẽ. - Không làm rách các hình.
MT28	Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: + Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá… + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, quả…	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
MT29	Trẻ kể tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. (CS19)	- Làm quen với 1 số thao tác đơn giản trong chế biến 1 số món ăn, thức uống. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
MT30	Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. (CS15)	- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.
MT31	Trẻ biết tự rửa mặt và chải răng hàng ngày. (CS16)	- Tập đánh răng, lau mặt.
MT32	Trẻ biết lấy tay che miệng khi	- Biết lấy tay che miệng, quay đầu ra

	ho, hắt hơi, ngáp. (CS17)	phía sau, hoặc hơi cúi đầu xuống thấp khi có phản ứng ho, hắt hơi, ngáp.
MT33	Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. (CS18)	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. **- Chải tóc, vuốt tóc khi bị rối; Tự chải tóc cho bản thân và cho bạn.** **- Chỉnh lại quần áo khi bị lệch.**
MT34	Trẻ nhận ra và không chơi một số nơi, một số việc có thể gây nguy hiểm (CS21)	- Nhận biết và phòng tránh những nơi, những việc gây nguy hiểm đến tính mạng.
MT35	Trẻ biết và không làm 1 số việc có thể gây nguy hiểm (CS22)	- Nhận biết và phòng tránh một số việc có thể gây nguy hiểm đến tính mạng
MT36	Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép (CS24)	- Nhận biết và phòng tránh các tình huống khi tiếp xúc với người lạ khi chưa được phép của người thân.
MT37	Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. (CS23)	- Nhận biết và phòng tránh một số nơi mất vệ sinh, nguy hiểm (hố rác, chợ bán gia cầm).
MT38	Trẻ biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm (CS25)	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
MT39	Trẻ biết hút thuốc lá là có hại cho sức khỏe và không lại gần người đang hút thuốc (CS26)	- Thể hiện thái độ không đồng tình khi nhìn thấy người hút thuốc - Tác hại của việc hút thuốc lá đối với sức khỏe con người.
MT40	Trẻ biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe (CS20)	- Tự nhận ra và không ăn, uống thức ăn, nước uống có mùi ôi, thiu, bẩn, có màu lạ.
MT41	Trẻ có một số thói quen và hành vi tốt trong ăn uống	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ, vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, bia, rượu, ăn quà vặt ngoài đường. **- Không dùng chung bát, thìa, cốc, ống hút với bạn và người khác.**

	2. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
MT41	*** Khám phá khoa học** Trẻ hay đặt câu hỏi (CS112)	- Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin.
MT42	Trẻ thích khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh. (CS113)	- Trẻ có những biểu hiện: + Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới) + Nhận ra những thay đổi/mới xung quanh. + Thích thử công dụng của sản phẩm + Tháo, lắp lại cấu tạo của sự vật + Đặt câu hỏi: Cái gì đây? Để làm gì? Như thế nào? Tại sao? **- Tìm hiểu, khám phá các đối tượng thông qua các dự án STEAM.**
MT43	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả…và thảo luận về đặc điểm của chúng.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. **- Tìm hiểu, khám phá các đối tượng theo quy trình 5E.**
MT44	Trẻ biết gọi tên các nhóm cây cối con vật theo đặc điểm chung. (CS92)	- Tên gọi, đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. **- Đặt tên cho nhóm những con/cây/ hoa quả... bằng những từ khái quát thể hiện đặc điểm chung.**
MT45	Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên. (CS93)	- Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời. - Cách chăm sóc và bảo vệ cây cối con vật. - Một số hiện tượng tự nhiên.

MT46	Trẻ nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống. (CS94)	- Thứ tự các mùa trong năm và đặc điểm đặc trưng của mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.
MT47	Trẻ biết dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (CS95)	- Quan sát và dự đoán hiện tượng tự nhiên có thể xảy ra tiếp theo.
MT48	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh, ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Xem sách, tranh ảnh, video và trò chuyện, thảo luận. - Các nguồn nước và môi trường sống. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây
MT49	Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo công dụng, chất liệu. (CS96)	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dung, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu.
MT50	Phân loại được một số đối tượng theo 2-3 dấu hiệu cho trước. Tìm ra dấu hiệu phân loại	- Phân loại một số phương tiện giao thông, cây, hoa quả, con vật theo 2 – 3 dấu hiệu.
MT51	**Trẻ biết một số quy định, luật lệ, biển báo giao thông đơn giản.**	**- Một số quy định, luật lệ, biển báo giao thông đơn giản.** **- Thực hiện đúng quy định về an toàn giao thông khi đi ra đường, đi trên các phương tiện giao thông.**
MT52	Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân- kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày. (CS114)	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây.
MT53	Trẻ biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại. (CS 115)	- Nhận ra sự khác biệt của một đối tượng trong nhóm so với những đối tượng còn lại. - Giải thích đúng lí do loại bỏ đối tượng khác biệt đó.

MT54	Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	- Tìm ra những cách giải quyết các vấn đề đơn giản trong quá trình vui chơi, học tập và trong sinh hoạt hằng ngày.
MT55	Trẻ nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự giống nhau, khác nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
MT56	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình	**- Chơi đóng vai.** **- Hát các bài hát về cây, con vật…** **- Vẽ, xé dán, nặn, ghép hình…cây cối, con vật…** **- Áp dụng chu trình thiết kế kỹ thuật theo phương pháp tổ chức hoạt động trong giáo dục STEAM.**
MT57	*** Khám phá xã hội** Trẻ biết được một số đặc điểm nổi bật của trường mầm non, biết công việc của các cô, các bác trong trường mầm non.	- Một số đặc điểm nổi bật của trường **Mầm non Hoàng Tân**: Tên trường, địa chỉ, các thành viên, hoạt động của trường… - Công việc của các cô, các bác trong trường **Mầm non Hoàng Tân.**
MT58	Trẻ nói đúng một số thông tin cơ bản về bản thân trẻ khi được hỏi, trò chuyện.	Họ và tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
MT59	Trẻ nói được các thông tin của các thành viên trong gia đình, biết quy mô, địa chỉ, nhu cầu của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	Tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày, của các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình(gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình; Địa chỉ gia đình.
MT60	Trẻ kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. (CS98)	- Kể tên một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống; sản phẩm nghề đó; công cụ để làm nghề đó. - Tìm hiểu các công việc, sản phẩm và ý nghĩa của một số nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương: **Nuôi trồng thuỷ hải sản, đi biển, trồng lúa** - Tập đóng vai một số nghề phổ biến quen thuộc.

MT61	Trẻ kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. (CS97)	- Kể, hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng, trường học, nơi mua sắm, khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến: **Bệnh viện Quảng Yên, Bảo tàng Quảng Yên, Công viên Quảng Yên, siêu thị Lan Chi.**
MT156	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội	- Tên và đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội (ngày Khai giảng, tết Trung thu, tết Nguyên Đán, tết Thiếu nhi, ngày 8/3, 20/10, 20/11, 22/12…) - Các hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.
MT157	Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Tên và đặc điểm nổi bật của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước (Đầm Tây Long, chùa Hoàng Tân, Miếu Vua Bà, Vịnh Hạ Long, Hồ Gươm, Lăng Bác Hồ)
MT62	*** Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán** Trẻ nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10. (CS104)	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
MT63	Trẻ biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm. (CS105)	- So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được bằng kết quả (bằng nhau, nhiều nhất, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất) - Gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. - Tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 phần bằng các cách.
MT64	Trẻ biết cách đo độ dài và nói kết quả đo. (CS106)	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật bằng một đơn vị đo nào đó. So sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo thể tích, dung tích các vật bằng một đơn vị đo nào đó. So sánh và diễn

		đạt kết quả đo.
MT65	Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc. (CS116)	- So sánh, phát hiện ra quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp
MT66	Trẻ chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu. (CS107)	- Nhận biết gọi tên các khối: Khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật...) và nhận ra các khối trong cuộc sống xung quanh. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
MT67	Trẻ xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái của một số vật so với một vật khác). (CS108)	- Xác đinh vị trí của đồ vật (phía trước-phía sau, phía trên-phía dưới; phía phải-phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
MT68	Trẻ biết gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự. (CS109)	- Gọi tên các thứ trong tuần.
MT69	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, biển số xe).
MT70	Trẻ phân biệt được ngày hôm qua, ngày mai qua sự kiện hàng ngày (CS110)	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.
MT71	Trẻ nói được ngày trên lốc lịch và giờ trên đồng hồ. (CS111)	- Nhận biết được các chữ số trên lịch và đồng hồ trong phạm vi 10. - Hiểu được ý nghĩa của các con số trên lịch và đồng hồ dùng để chỉ ngày và giờ. - Tìm hiểu, làm quen với cách xem giờ của một số loại đồng hồ.
MT72	**Trẻ nhận biết được các biểu tượng Toán sơ đẳng phù hợp độ tuổi thông qua các hoạt động trải nghiệm**	**- Làm quen với các khái niệm sơ đẳng về Toán thông qua các hoạt động trải nghiệm theo mô hình học tập của DavidA.Kolb**
	3. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	

MT73	*** Phát triển khả năng nghe** Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi. (CS61)	- Nghe hiểu các từ chỉ sắc thái biểu cảm khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi.
MT74	Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động. (CS62)	- Hiểu và làm được 2-3 yêu cầu liên tiếp.
MT75	Trẻ hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi. (CS63)	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
MT76	*** Khả năng nói** Trẻ biết nói rõ ràng. (CS65)	- Không nói ngọng, nói lắp, nói đủ câu để người khác hiểu được.
MT77	Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày. (CS66)	- Sử dụng đúng danh từ, tính từ, động từ, từ biểu cảm trong câu nói và phù hợp với hoàn cảnh.
MT78	Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp. (CS67)	- Sử dụng các loại câu khác nhau: câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu nghi vấn, câu mệnh lệnh phù hợp với tình huống.
MT79	Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (CS68)	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau kết hợp cử chỉ, điệu bộ để người khác hiểu đúng.
MT80	Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.(CS69)	- Trao đổi, chỉ dẫn bạn để các bạn hiểu và cùng nhau hợp tác trong quá trình hoạt động.
MT81	Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.**(CS72)**	- Chủ động nói chuyện với bạn bè, người lớn.
MT82	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. **(CS73)**	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu và hoàn cảnh giao tiếp.
MT83	Trẻ chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. (CS74)	- Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu ghép. - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
MT84	Trẻ không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện. (CS75)	- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. - Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác...
MT85	Trẻ biết hỏi lại hoặc có những	- Trẻ chủ động dùng câu hỏi để hỏi lại

	biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. (CS76)	khi không hiểu người khác nói. - Có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để làm rõ một thông tin khi nghe mà không hiểu.
MT86	Trẻ biết sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống. (CS77)	- Chủ động sử dụng các câu: cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt…trong các tình huống phù hợp không cần người lớn nhắc.
MT87	Trẻ không nói tục chửi bậy. (CS78)	- Không nói tục chửi bậy trong giao tiếp.
MT88	Trẻ biết kể về một sự vật hiện tượng nào đó để người khác hiểu được. (CS70)	- Kể lại sự việc theo trình tự
MT89	Trẻ kể lại được nội dung câu truyện đã nghe theo trình tự nhất định. (CS71)	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.
MT90	Trẻ biết kể truyện theo tranh. (CS85)	- Kể truyện theo đồ vật, theo tranh.
MT91	Trẻ nghe hiểu nội dung câu truyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. (CS64)	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ , câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
MT92	*** Làm quen với việc đọc, viết** Trẻ thích đọc những chữ đã viết trong môi trường xung quanh. (CS79)	- Hay hỏi về chữ hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe hoặc tự "đọc" **- Đọc các chữ đã biết trong môi trường xung quanh.**
MT93	Trẻ thể hiện sự thích thú với sách. (CS80)	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ.
MT94	Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách. (CS81)	- Giữ gìn, bảo vệ sách.
MT95	Trẻ biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống. (CS82)	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông…). **- Nhận biết được các kí hiệu về đồ dùng của trẻ.**

MT96	Trẻ có một số hành vi như người đọc sách. (CS83)	- Chọn sách để "đọc" và xem. - Làm quen với cách đọc: hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. Đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
MT97	Trẻ biết "Đọc" theo truyện tranh đã biết. (CS84)	- "Đọc" truyện qua các tranh vẽ. - Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.
MT98	Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. (CS86)	- Trẻ hiểu được có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu để thay cho lời nói.
MT99	Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (CS87)	- Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ.
MT100	Trẻ bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. (CS88)	- Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
MT101	Trẻ biết viết tên của bản thân theo cách của mình. (CS89)	- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
MT102	Trẻ biết viết chữ theo thứ tự từ trái, qua phải, từ trên xuống dưới. (CS90)	- Làm quen với cách viết của tiếng Việt: Hướng viết của các nét chữ từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Tập tô, viết chữ.
MT103	Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. (CS91)	- Nhận dạng các chữ cái.
	4. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM-KỸ NĂNG XÃ HỘI	
MT104	*** Phát triển tình cảm** Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình. (CS27)	- Bản thân và gia đình.
MT105	Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân (CS28)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. **- Một số hành vi văn minh lịch sự của bạn gái (ngồi khép chân khi mặc váy…)**

		- Một số hành vi văn minh lịch sự của bạn trai (nhường nhịn và làm công việc nặng, sẵn sàng giúp đỡ các bạn gái trong các công việc…) **- Trang phục của trẻ.**
MT106	Trẻ nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân. (CS29)	- Sở thích và khả năng của bản thân.
MT107	Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân. (CS30)	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
MT108	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đến cùng (CS31)	- Thực hiện công việc được giao **- Hoàn thành công việc được giao.**
MT109	Trẻ chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày.(CS33)	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động hàng ngày như: + Cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi qui định, cất đồ dùng quân tư trang vào tủ cá nhân. + Tự rửa tay trước khi ăn. + Tự chuẩn bị đồ dùng đồ chơi trước khi hoạt động.
MT110	Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân (CS 34)	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.
MT111	Trẻ biết thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc (CS32)	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học - Thực hiện công việc được giao.
MT112	Trẻ nói được khả năng và sở thích của bạn và người thân (CS58)	- Sở thích, khả năng của bạn và người thân.
MT113	Trẻ nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác (CS35)	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc "vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ" của mình và người khác qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ qua tiếp xúc trực tiếp, giọng nói, tranh ảnh…
MT114	Trẻ biết bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt. (CS36)	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
MT115	Trẻ biết thể hiện sự an ủi và	- Yêu mến, quan tâm đến người thân

	chia vui với người thân và bạn bè. (CS37).	trong gia đình, bạn bè.
MT116	Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc (CS39)	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
MT117	Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh. (CS40)	- Thể hiện hành vi phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
MT118	Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. (CS41)	- Biết trấn tĩnh lại và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá (như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng, ném đồ chơi...) với sự giúp đỡ của người lớn. **- Biết sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực, (khó chịu, tức giận) của bản than khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột trong sinh hoạt hằng ngày.**
MT119	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc…)	- Kính yêu Bác Hồ.
MT120	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	**- Hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.**
MT121	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn…) của quê hương, đất nước.	**- Quan tâm đến một số di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước: Đầm Tây Long, chùa Hoàng Tân, Miếu Vua Bà, Lễ hội Bạch Đằng, Lễ hội Tiên Công, Lễ hội xuống đồng, Vịnh Hạ Long, Hồ Gươm, Lăng Bác...** **- Trang phục, các món ăn (áo dài Việt Nam, Ruốc Hoàng Tân, chả mực Hạ Long, các món ăn ngày Tết...)**
MT122	*** Kĩ năng xã hội** Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà,	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường)

	bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi xa phải xin phép.	
MT123	Trẻ dễ hòa đồng với bè bạn trong nhóm chơi (CS42)	- Nhanh chóng hoà đồng vào hoạt động chung nhóm bạn. - Vui vẻ, thoải mái khi chơi trong nhóm bạn.
MT125	Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi. (CS43)	- Chủ động bắt chuyện - Mạnh dạn trả lời các câu hỏi khi được hỏi.
MT126	Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi. (CS44)	- Kể chuyện cho bạn về chuyện vui, buồn của mình. - Sẵn sàng trao đổi hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ.
MT127	Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.(CS45)	- Chủ động giúp đỡ khi nhìn thấy bạn hoặc người khác cần sự giúp đỡ. - Sẵn sàng, nhiệt tình giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu.
MT128	Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên. (CS46)	- Thường hay chơi với nhóm bạn. - Có ít nhất 2 bạn thân luôn chơi với nhau.
MT129	Trẻ biết lắng nghe ý kiến người khác. (CS48).	- Lắng nghe ý kiến người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Chấp nhận ý kiến hợp lý của người khác không trùng với ý của mình.
MT130	Trẻ biết trao đổi ý kiến của mình với các bạn. (CS49).	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. - Khi trao đổi, thái độ bình tĩnh tôn trọng lẫn nhau, không nói cắt ngang khi người khác đang trình bày.
MT131	Trẻ biết thể hiện sự thân thiện đoàn kết với bạn bè. (CS50)	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận
MT132	Trẻ chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình. (CS59)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Điểm khác biệt của bạn mình. - Chơi với bạn hoà đồng, không xa lánh bạn.
MT133	Trẻ biết quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn**.** (CS60).	- Thấy được sự không công bằng trong nhóm bạn và đưa ra cách giải quyết

		hợp lý.
MT134	Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (CS47)	- Tuân theo trật tự, chờ đến lượt tham gia hoạt động. - Thực hiện các quy định khi tham gia các hoạt động chung theo nhóm, lớp.
MT135	Trẻ chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. (CS51).	- Lắng nghe ý kiến người khác. - Thực hiện sự phân công của người khác.
MT136	Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. (CS52)	- Hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ. - Chủ động, tự giác thực hiện những việc đơn giản. - Phối hợp với các bạn khi thực hiện, không xảy ra mâu thuẫn.
MT137	Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác. (CS53)	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
MT138	Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. (CS54)	- Sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép, lịch sự.
MT139	Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết. (CS55)	- Nhận biết các trường hợp cần thiết khi cần sự giúp đỡ của người khác.
MT140	Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hay sai của con người đối với môi trường. (CS56)	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi: đúng, sai, tốt, xấu. - Những hành vi đúng sai của con người đối với môi trường xung quanh.
MT141	Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày. (CS57)	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. - Tiết kiệm điện nước.
	5. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ	
MT142	Trẻ nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc. (CS99)	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
MT143	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo,	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản

	nhún nhẩy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
MT144	Trẻ biết thể hiện sự thích thú trước cái đẹp. (CS38)	- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước cái đẹp.
MT145	Trẻ biết hát đúng giai điệu bài hát dành cho các bé mầm non. (CS100)	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm các bài hát, bản nhạc phù hợp lứa tuổi.
MT146	Trẻ biết thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. (CS101)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
MT147	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT148	Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.
MT149	Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (CS103)	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục - Đặt tên cho sản phẩm của mình.
MT150	Trẻ biết đặt tên mới cho câu truyện, đặt lời mới cho bài hát. (CS117)	- Đặt tên mới cho câu truyện. - Đặt lời theo giai điệu bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
MT151	Trẻ biết thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. (CS118)	- Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ. - Làm ra sản phẩm tạo hình không giống các bạn khác. - Thực hiện một số công việc theo cách mình nghĩ đạt hiệu quả cao.
MT152	Trẻ biết thể hiện ý tưởng bản thân thông qua các hoạt động khác nhau. (CS119)	- Khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi theo ý tưởng của bản thân. - Xây dựng các "công trình" theo các

		cách khác nhau theo ý tưởng của bản thân. - Vận động minh hoạ theo ý tươngr của bản thân. - Cắt, xé, dán, vẽ, nặn tạo thành sản phẩm theo ý tưởng của bản thân.
MT153	Trẻ biết kể lại câu truyện quen thuộc theo cách khác. (CS120)	- Mở đầu, tiếp tục, kết thúc câu chuyện theo các cách khác nhau nhưng không mất đi ý nghĩa câu chuyện. - Kể chuyện sáng tạo.
MT154	Trẻ biết phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, cát, xé dán, xếp hình để tạo ra các sản phẩm phù hợp.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra các sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục phù hợp. **- Áp dụng chu trình thiết kế kỹ thuật.**
MT155	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản (CS102)	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. **- Áp dụng chu trình thiết kế kỹ thuật.**
MT156	**Trẻ có khả năng sáng tạo và cảm thụ nghệ thuật thông qua hoạt động tạo hình**	**- Quan sát, khám phá các tác phẩm bằng các giác quan.** **- Vẽ theo nhạc, vẽ theo chuyên đề.** **- Nặn các sản phẩm lưu niệm, in, đắp, khắc hình sáng tạo sản phẩm nặn.** **- Trang trí chuyên đề** **- Xé, cắt dán theo chuyên đề.** **- Gấp giấy Origami Nhật Bản.** **- Chắp ghép các nguyên vật liệu rời.** **- Sáng tạo từ các vật liệu địa phương (vỏ ốc, sò, ngao…)**

4. Các hoạt động giáo dục, hình thức, phương pháp giáo dục và tổ chức môi trường giáo dục.

4.1. Các hoạt động giáo dục

4.1.1. Các hoạt động giáo dục Nhà trẻ

a. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hớn hở, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi.

b. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan...

c. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

d. Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

đ. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sảng khoái, vui vẻ.

4.1.2. Các hoạt động giáo dục Mẫu giáo

a. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

b. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi, ***trải nghiệm***

c. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

d. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

4.2. Hình thức tổ chức

4.2.1. Hình thức tổ chức độ tuổi Nhà trẻ

a. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6) ...).

b. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.

- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

c. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

4.2.2. Hình thức tổ chức độ tuổi Mẫu giáo.

a. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

b. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.

- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

c. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm.

- Tổ chức hoạt động cả lớp.

4.3. Phương pháp giáo dục

4.3.1. Phương pháp giáo dục độ tuổi Nhà trẻ.

a. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

b. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh hoạ phù hợp.

c. Nhóm phương pháp thực hành

***) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi**

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

***) Trò chơi**

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

***) Luyện tập**

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

d. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

đ. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn,

sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

e. Các mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước

- Mô hình giáo dục STEM: Tổ chức các hoạt động theo mô hình dạy học 5E, chu trình thiết kế kỹ thuật và các dự án Steam.

- Mô hình học tập của DavidA.Kolb: tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm hình thành và phát triển các kiến thức, kỹ năng cho trẻ.

4.3.2. Phương pháp giáo dục độ tuổi Mẫu giáo

a. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

b. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa *(quan sát, làm mẫu, minh họa)*

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

c. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

d. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

đ. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

e. Các mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước

- Mô hình giáo dục STEM: Tổ chức các hoạt động theo mô hình dạy học 5E, chu trình thiết kế kỹ thuật và các dự án Steam.

- Mô hình học tập của DavidA.Kolb: tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm hình thành và phát triển các kiến thức, kỹ năng cho trẻ.

4.4. Tổ chức môi trường giáo dục

4.4.1. Tổ chức môi trường giáo dục độ tuổi Nhà trẻ

a. Môi trường vật chất

***) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp**

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

*) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

b. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

4.4.2. Tổ chức môi trường giáo dục độ tuổi Mẫu giáo

a. Môi trường vật chất

***) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp**

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

***) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:**

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

b. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

5. Đánh giá ự phát triển của trẻ.

5.1. Đánh giá sự phát triển của trẻ Nhà trẻ 24 – 36 tháng.

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

5.1.1. Đánh giá trẻ hằng ngày.

Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

a. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.

- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.

- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

b. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.

- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.

- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.

- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

5.1.2. Đánh giá theo giai đoạn.

a. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

b. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.

- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.

- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.

- Sử dụng bài tập tình huống.

- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

d. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi 24, 36 tháng dựa vào kết quả mong đợi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

5.2. Đánh giá sự phát triển của Mẫu giáo

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

5.2.1. Đánh giá trẻ hằng ngày

a. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

b. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.

- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.

- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.

- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.

- Sử dụng tình huống.

- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.

- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

5.2.2. Đánh giá theo giai đoạn

a. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

b. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mĩ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.

- Trò chuyện với trẻ.

- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.

- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.

- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

d. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Đối với Hiệu trưởng

- Tổ chức biên soạn, duyệt và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường.
- Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường.
- Tổ chức điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết.
- Chịu trách nhiệm trước cấp trên về chương trình giáo dục nhà trường.

2. Đối với Phó Hiệu trưởng.

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường.
- Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường.
- Tham gia điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết.
- Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chương trình giáo dục nhà trường.

3. Đối với Tổ chuyên môn

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường
- Tham gia điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Triển khai tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường tại tổ Chuyên môn.

4. Đối với giáo viên nhóm lớp

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Tham gia điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết.
- Căn cứ vào Kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục nhà trường để xây dựng Kế hoạch năm học, Kế hoạch Chủ đề, Kế hoạch tuần, Kế hoạch hằng ngày đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với nhóm lớp mình phụ trách.

V. ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Sau quá trình đánh giá sự phát triển của trẻ (đánh giá trẻ hằng ngày, đánh giá trẻ theo giai đoạn, đánh giá trẻ cuối chủ đề) để thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục của nhà trường từ đó nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường một cách phù hợp.

Trên đây là Kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục nhà trường của trường Mầm non Hoàng Tân năm học 2024 - 2025. Đề nghị tất cả cán bộ quản lý, các tổ chuyên môn và giáo viên nghiên cứu và triển khai thực hiện kịp thời./.

Nơi nhận:
- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Hội đồng trường (phê duyệt);
- Các tổ CM (t/h);
- Lưu VT-HSCM./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thu Hường

Phụ lục 1: DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
ĐỘ TUỔI NHÀ TRẺ 24 – 36 THÁNG
(Thực hiện 35 tuần từ ngày 05/09/2024 đến ngày 23/05/2025)

TT	Tên chủ đề lớn	Số tuần	Thời gian thực hiện	Các sự kiện trong năm	Ghi chú
1	Bé và các bạn	4	05/09/2024 - 04/10/2024	Khai giảng (5/9); Tết Trung thu (17/9)	
2	Đồ dùng đồ chơi của bé	4	07/10/2024 - 01/11/2024	Ngày thành lập Hội LHPNVN 20/10	
3	Các cô, các bác trong nhà trẻ	4	04/11/2024 - 29/11/2024	Ngày Nhà giáo VN	
4	Mẹ và những người thân yêu của bé	4	02/12/2024 - 27/12/2024	Ngày thành lập QĐNDVN	
5	Bé thích đi khắp mọi nơi bằng phương tiện gì?	3	30/12/2024 - 17/01/2025		
6	Tết và mùa xuân	3	20/01/2025 - 21/02/2025	Nghỉ tết từ 27/01 đến 08/02/2025	
7	Cây và những bông hoa đẹp	4	24/02/2025 - 21/03/2025	Ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3	
8	Những con vật đáng yêu	4	24/03/2025 - 18/04/2025	Giỗ tổ (07/4)	
9	Mùa hè đến	3	21/04/2025 - 09/05/2025	GPMN; QTLĐ	
10	Bé lên mẫu giáo	2	12/05/2025 - 23/05/2025	SN Bác Hồ;	
	TỔNG SỐ	**35**			

Phụ lục 2: DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 3 – 4 TUỔI
(Thực hiện 35 tuần từ ngày 05/09/2024 đến ngày 23/05/2025)

TT	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Các sự kiện trong năm.	Ghi chú
1	Trường Mầm non của bé	4	05/09/2024 - 04/10/2024	Khai giảng 5/9; Tết Trung thu (17/9)	
2	Bản thân	3	07/10/2024 - 25/10/2024	Ngày thành lập Hội LHPNVN 20/10	
3	Mời bạn đến thăm gia đình tôi	3	28/10/2024 - 15/11/2024		
4	Nghề nghiệp	4	18/11/2024 - 13/12/2024	Ngày NGVN 20/11	
5	Các con vật đáng yêu	4	16/12/2024 - 10/01/2025	Ngày thành lập QĐNDVN 22/12	
6	Tết và mùa xuân	3	13/01/2025 - 14/02/2025	Nghỉ tết Nguyên Đán từ 27/01 đến 08/02	
7	Thực vật	4	17/02/2025 - 14/03/2025	Quốc tế Phụ nữ 8/3	
8	Phương tiện giao thông	4	17/03/2025 - 11/04/2025	Giỗ tổ (18/4)	
9	Nước và một số hiện tượng thiên nhiên	3	14/04/2025 - 02/05/2025	GPMN; QTLĐ	
10	Việt Nam quê hương tôi		05/05/2025 - 35/05/2025	GPMN; QTLĐ SN Bác Hồ	
	TỔNG SỐ	**35**			

Phụ lục 3: DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 4 – 5 TUỔI
(Thực hiện 35 tuần từ ngày 05/09/2024 đến ngày 23/05/2025)

TT	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Các sự kiện trong năm.	Ghi chú
1	Trường mầm non của bé	3	05/09/2024 - 27/09/2024	Khai giảng 5/9; Tết Trung thu (17/9)	
2	Bản thân	3	30/09/2024 - 18/10/2024		
3	Gia đình thân yêu của bé	3	21/10/2024 - 08/11/2024	Ngày thành lập Hội LHPNVN 20/10	
4	Nghề nghiệp	4	11/11/2024 - 06/12/2024	Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11	
5	Những con vật đáng yêu của bé	4	09/12/2024 - 03/01/2025	Ngày thành lập QĐNDVN 22/12.	
6	Tết và mùa xuân	3	06/01/2025 - 24/01/2025	Nghỉ tết Nguyên Đán từ 27/01 đến 08/02	
7	Thực vật	4	10/02/2025 - 07/03/2025	Quốc tế Phụ nữ 8/3	
8	Giao thông	4	10/03/2025 - 04/04/2025		
9	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	4	07/04/2025 - 02/05/2025	Giỗ tổ (07/4)	
10	Việt Nam quê hương tôi	3	05/05/2025 - 23/05/2025	GPMN; QTLĐ SN Bác Hồ.	

	TỔNG SỐ	**35**			

Phụ lục 4: DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 5 – 6 TUỔI
(Thực hiện 35 tuần từ ngày 05/09/2025 đến ngày 23/05/2025)

TT	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Các sự kiện lớn trong năm	Ghi chú
1	Trường mầm non	3	05/09/2024 - 27/09/2024	Khai giảng 5/9; Tết Trung thu (17/9)	
2	Bản thân	3	30/09/2024 - 18/10/2024		
3	Gia đình	4	21/10/2024 - 15/11/2024	Ngày thành lập Hội LHPNVN 20/10	
4	Nghề nghiệp	4	18/11/2024 - 13/12/2024	Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11	
5	Thế giới động vật	4	16/12/2025 - 10/01/2025	Ngày thành lập QĐNDVN 22/12.	
6	Thế giới thực vật	4	06/01/2025 - 21/02/2025	Nghỉ tết Nguyên Đán từ 27/01 đến 08/02	
7	Phương tiện Giao thông	4	24/02/2025 - 21/03/2025	Quốc tế Phụ nữ 8/3	
8	Nước và một số HTTN	3	24/03/2025 - 11/04/2025	Giỗ tổ (07/4)	
9	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	3	14/04/2025 - 02/05/2025	GPMN 30/4 QTLĐ 1/5	

10	Trường Tiểu học	3	05/05/2025 - 23/05/2025	SN Bác Hồ.	
	TỔNG SỐ	**35**			